

Số: 164/2020/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Bảo, ngày 06 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 09-7-2020, về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T1; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HPh, xã ThTh, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn VD, xã KKh, huyện KTh, tỉnh Hải Dương;

- Anh Nguyễn Viết T; nơi cư trú: Thôn HPh, xã ThTh, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Viết T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 24-12-2012. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T1 và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải và bản thân anh, chị đã khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 01 năm, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả chị T1 và anh T cùng đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn giữa chị T1 và anh T được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29-7-2020, là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Viết T.

[2] Về con chung: Chị T1 và anh T có 02 con chung là Nguyễn Viết Thái L, sinh ngày 04-9-2013 và Nguyễn Viết Thái Kh, sinh ngày 31-10-2014. Khi ly hôn, chị T1 và anh T cùng thống nhất giao con chung Nguyễn Viết Thái L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và giao con chung Nguyễn Viết Thái Kh cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T1 và anh T. Do đó, căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị T1 và anh T.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh Hùng xin tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị T1 và anh T thỏa thuận: Anh T nhận chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét, thỏa thuận trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[5] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Viết T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Viết Thái L, sinh ngày 04-9-2013, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Nguyễn Viết Thái Kh, sinh ngày 31-10-2014, cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, không xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí Tòa án tại biên lai thu số

0008235 ngày 09-7-2020, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Đức Vịnh